

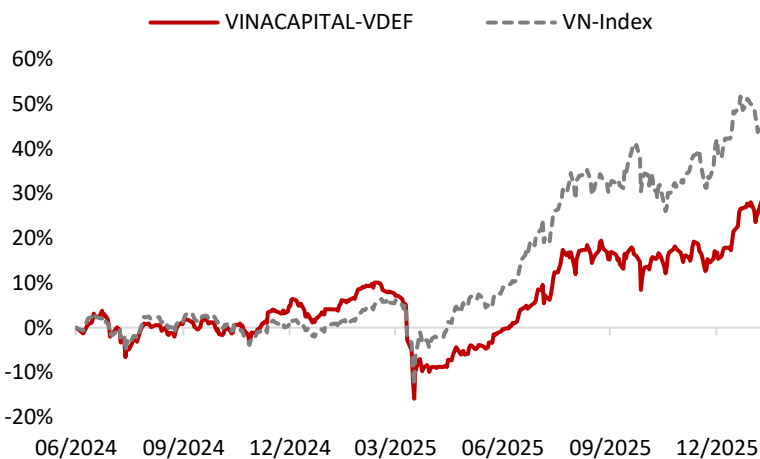
VINACAPITAL-VDEF

Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động thông qua quá trình nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng, lựa chọn những cổ phiếu có kỳ vọng mang lại lợi nhuận ổn định trong trung và dài hạn đến từ tăng trưởng vốn và các khoản cổ tức.

Quỹ đầu tư tập trung chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết của các công ty có mô hình kinh doanh vững chắc, dòng tiền và tài chính lành mạnh và khả năng trả cổ tức cao trong dài hạn.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VDEF

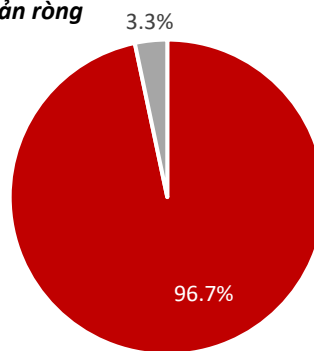
	VINACAPITAL-VDEF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	295.2	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	12,821.0	
Lợi nhuận tháng 01/2026 (%)	8.7	2.5
Lợi nhuận từ đầu năm 2026 (%)	8.7	2.5
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	-	-
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	-	-
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	16.7	26.5
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	28.2	45.8

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	24/06/2024
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	Từ ngày 1 đến ngày 364: 2%
	Từ ngày 365 đến ngày 729: 1%
	Từ ngày 730 trở đi: 0%
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Nghân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, Từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

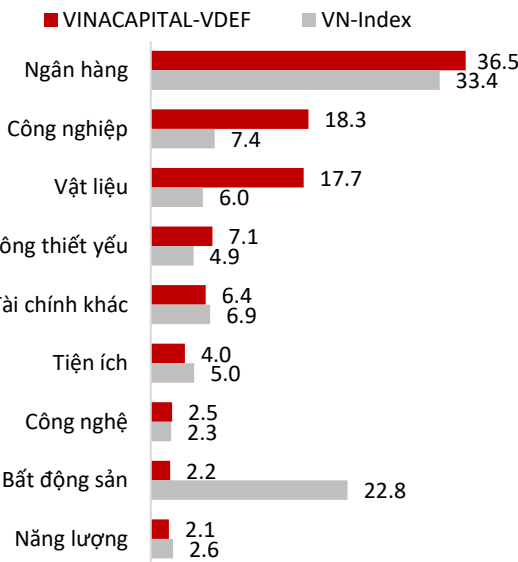
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VDEF	VN-Index
Chỉ số P/E 2026 (x)	9.7	13.6
Chỉ số P/B 2026 (x)	1.6	2.0
Chỉ số ROE 2026 (%)	16.7	15.7
Tỷ suất cổ tức 2026 (%)	2.2	1.6
Vòng quay danh mục (từ ngày thành lập) (%)	137.0	-
Hệ số Sharpe (từ ngày thành lập)	0.7	1.4
Hệ số Beta (từ ngày thành lập)	0.9	1.0
Số lượng cổ phiếu	24	426

Nguồn: dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
CTG	Ngân hàng	8.3
MBB	Ngân hàng	7.7
GMD	Công nghiệp	6.0
HPG	Vật liệu	5.9
FRT	Tiêu dùng không thiết yếu	4.7
PHR	Vật liệu	4.5
TCB	Ngân hàng	4.4
VCB	Ngân hàng	4.3
HDB	Ngân hàng	4.2
REE	Công nghiệp	4.2

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VDEF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Đúng như kỳ vọng của chúng tôi, bước sang năm 2026, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam ghi nhận tăng trưởng tích cực và đồng đều hơn giữa các nhóm cổ phiếu. Trong tháng 1/2026, chỉ số VN-Index tăng 2,5%. Dù mức tăng không quá cao, thị trường được đánh giá là tương đối lành mạnh với sự lan tỏa rộng hơn. Cụ thể, 51% số cổ phiếu trong danh mục theo dõi của chúng tôi (138 cổ phiếu) có mức tăng vượt trội so với VN-Index. Điều này cho thấy sự cải thiện rõ rệt so với năm 2025, khi chỉ 17% số cổ phiếu vượt trội hơn chỉ số do VN-Index bị kéo lên bởi một số nhóm cổ phiếu đơn lẻ.

Các cổ phiếu đóng góp lớn vào mức tăng của chỉ số trong tháng 1 chủ yếu thuộc nhóm doanh nghiệp nhà nước (DNNN), bao gồm GAS (+61,6%), BID (+38,6%) và VCB (+22,6%). Động lực chính cho diễn biến tích cực này đến từ việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 6/1/2026. Nghị quyết nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong ổn định kinh tế vĩ mô và duy trì các trụ cột chiến lược của nền kinh tế, bao gồm an ninh năng lượng, tài chính – ngân hàng và hạ tầng trọng yếu, đồng thời đặt trọng tâm vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các DNNN.

Các doanh nghiệp niêm yết đã đạt kết quả kinh doanh tốt hơn kỳ vọng vào quý 4 và trong cả năm 2025. Trên sàn HOSE (tương ứng với các cổ phiếu thuộc VN-Index), lợi nhuận ròng của doanh nghiệp tăng lần lượt 44,2% trong quý 4 và 28,7% cho cả năm 2025 so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, tăng trưởng lợi nhuận năm 2025 mang tính lan tỏa cao: ngoại trừ ngành Chăm sóc sức khỏe không ghi nhận tăng trưởng, 11 nhóm ngành còn lại đều đạt mức tăng trưởng hai chữ số. Một số ngành có mức tăng trưởng nổi bật gồm: Tiêu dùng không thiết yếu (+65,6%), Chứng khoán (+68,4%), Công nghiệp (+36,2%), Tiện ích (+61,3%) và Bất động sản (+60%).

Kinh tế Việt Nam bước vào năm 2026 với kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Do yếu tố mùa vụ (Tết Nguyên Đán năm nay rơi vào tháng 2), các số liệu tháng 1 so với cùng kỳ cần được nhìn nhận thận trọng và nên chờ thêm dữ liệu tháng 2 để đánh giá toàn diện hơn. Tuy vậy, xu hướng tăng trưởng cao nối tiếp từ năm 2025 là khá rõ nét.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 1 tăng 9,3% so với cùng kỳ (tương đương mức tăng của tháng cao điểm Tết năm trước); nếu loại trừ yếu tố giá, mức tăng đạt 6,3%. Về đầu tư, giải ngân vốn FDI đạt 1,7 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ và là mức cao nhất trong vòng 5 năm. Áp lực tỷ giá cũng hạ nhiệt khi tỷ giá USD/VND giảm 1,6% so với cuối năm 2025, được hỗ trợ bởi dòng kiều hối và sự suy yếu của đồng USD trên thị trường quốc tế. Mặt bằng lãi suất nhìn chung nhích tăng nhẹ do nhu cầu tín dụng và yếu tố mùa vụ. Mặc dù lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh lên trên 10% vào đầu tháng 2, chúng tôi cho rằng Ngân hàng Nhà nước sẽ sớm có các biện pháp điều tiết phù hợp nhằm đưa lãi suất liên ngân hàng trở lại trạng thái ổn định.

CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ VINACAPITAL-VDEF tăng 8,7% trong tháng 1, vượt trội 6,2 điểm phần trăm so với mức tăng của VN-Index, phản ánh hiệu quả lựa chọn cổ phiếu và chiến lược phân bổ chủ động của chúng tôi.

Động lực tăng trưởng đến từ hai nhóm cổ phiếu chính. Thứ nhất là các khoản đầu tư được tích lũy ở vùng định giá hấp dẫn và kiên nhẫn nắm giữ, bao gồm BVH (+22,9%), PHR (+10%) và SZC (+10,5%). Thứ hai là các doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh quý 4 vượt kỳ vọng, nổi bật như PVS (+32,4%), và FRT (+13,7%), qua đó tạo hiệu ứng cộng hưởng tích cực lên hiệu suất danh mục.

PVS ghi nhận lợi nhuận sau thuế quý 4 tăng mạnh 84% YoY lên 806 tỷ đồng; lợi nhuận cốt lõi đạt 523 tỷ đồng (+96% YoY). Kết quả tích cực chủ yếu nhờ biên lợi nhuận mảng M&C cải thiện lên 5,5% (+5,4 điểm % YoY), kéo theo lợi nhuận gộp tăng đáng kể, cùng với chi phí G&A giảm mạnh 63% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng 247 tỷ đồng liên quan tiền thuê đất tại Sao Mai Bến Đình (so với mức trích lập 98 tỷ đồng cùng kỳ). Các yếu tố này đã bù đắp cho sự suy giảm của thu nhập tài chính ròng (-32% YoY), lợi nhuận từ liên doanh FSO/FP50 (-18% YoY) và thu nhập khác (-81% YoY).

FRT công bố lợi nhuận quý 4 đạt 290 tỷ đồng, tăng 161% so với cùng kỳ năm ngoái, và vượt xa kỳ vọng của thị trường. Mảng dược phẩm đã củng cố vị thế dẫn đầu thị trường, mang lại doanh thu và lợi nhuận ròng tăng trưởng mạnh mẽ lần lượt là 50% và 113% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, mảng bán lẻ công nghệ thông tin ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 26% so với cùng kỳ năm ngoái, được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ đối với iPhone và máy tính xách tay, với lợi nhuận phục hồi mạnh mẽ từ mức thấp của năm trước.

Nhìn chung, hiệu suất vượt trội trong tháng 1 tiếp tục khẳng định tính hiệu quả của các chiến lược đầu tư tập trung vào doanh nghiệp có nền tảng cơ bản cải thiện rõ rệt và tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận bền vững.

Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm tích cực đối với TTCK Việt Nam trong thời gian tới. Chính phủ đang tập trung triển khai các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh, cũng như điều hành chính sách tài khóa và tiền tệ theo hướng phối hợp, đồng bộ nhằm hỗ trợ sản xuất và đầu tư. Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 8/1/2026, Chính phủ đã giao chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương, bộ, ngành nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước từ 10% trở lên trong năm 2026. Bên cạnh đó, việc các doanh nghiệp niêm yết ghi nhận kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng trong quý 4/2025 và được dự báo tiếp tục duy trì tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong năm 2026 sẽ là động lực quan trọng cho thị trường. Ngoài ra, câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán dự kiến sẽ trở lại tâm điểm, với kỳ đánh giá cuối cùng của FTSE Russell vào tháng 3/2026 và khả năng nâng hạng chính thức có hiệu lực từ tháng 9/2026.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2024	-	-	-	-	-	-1.3%	1.0%	0.9%	0.7%	-1.2%	0.9%	4.0%	4.9%
2025	-0.8%	5.0%	-3.8%	-13.3%	4.4%	5.5%	6.4%	9.9%	-2.0%	0.3%	0.2%	2.0%	12.4%
2026	8.7%												8.7%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.